| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH CỬU**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 114 /2021/HS-ST
Ngày: 29/10/2021.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lâm.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bình
Bà Nguyễn Ngọc Cúc

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2021/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 465A/2021/HSST-QĐ ngày 30/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Út H (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1999, tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T1, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 và bà Văn Thị N, sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con út; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2020 đến ngày 09/12/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Trần Công D, sinh năm 1998, tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ1, xã Đ, huyện C, Thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1969 và bà DươngThị P, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2020 đến ngày 09/12/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi

cư trú. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Nguyễn Ngọc Đ - Luật sư Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Địa chỉ: 6/44 khu phố 8, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

** Bị hại:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Văn Thị N sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T1, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

- Bà Phan Thị D1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 19, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Phan Thị Trúc L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp 19, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Trương Thị O, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

(Những người làm chứng vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/11/2020, tại nhà bà Phan Thị D1 sinh năm 1971 thuộc ấp V, xã T, huyện V tổ chức tiệc thôi nôi cho cháu nội kết hợp tổ chức sinh nhật cho con gái tên Phan Thị Trúc L, sinh năm 2000. Tham gia tiệc có vợ chồng bà D1, anh Nguyễn Minh T sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú khóm 6A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; Bùi Văn S (con trai trai bà D1), Lê Văn Vũ L1 và một số người bạn của L. Sau đó, L1 gọi điện rủ Nguyễn Út H, Trần Công D đến nhậu cùng. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, giữa H và Bùi Văn S xảy ra mâu thuẫn nhưng được mọi người can ngăn nên H, D, L1 ra xe đi về. Khi ra đến chỗ để xe, Bùi Văn S cùng với Nguyễn Minh T và một số nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đi từ trong nhà bà D1 ra tiếp tục lời qua tiếng lại và xô xát với nhóm của L1 nhưng được mọi người can ngăn nên nhóm L1 ra về. H điều khiển 01 xe mô tô chở D đi trước, L1 điều khiển 01 xe mô tô đi sau. Đi được khoảng 200m, do bực tức vì bị S tát vào mặt, H rủ D quay lại đánh nhóm của S, D đồng ý. Cả hai dừng xe, D nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04 cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt; H nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 01m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45m, đường kính 03cm ở đống củi lề đường đi bộ quay lại nhà bà D1. Lúc này, L1 điều khiển xe đi đến thấy D và H cầm cây quay lại nên dừng xe nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm đi theo D, H. Đến nhà bà D, H chạy vào đập cửa thì anh Nguyễn Minh T chạy từ nhà anh T (đối diện nhà bà D) ra mở cửa trên tay cầm theo 01 con dao tự chế bằng sắt đuổi chém D (nhưng không trúng). D bỏ chạy thì bị vấp ngã nên vừa bò vừa kêu bị chém đồng thời quay người lại dùng cây đánh trúng vai anh T. Nghe

thấy D kêu bị chém, H chạy lại tay trái cầm cây tràm đánh vào vùng mặt, tay phải cầm cây tre đánh vào vùng đầu anh T khiến anh T bị choáng ngã xuống đường. D, L1 cũng cầm cây chạy lại cùng H đánh liên tiếp nhiều cái vào vai và lưng anh T. Khi các đối tượng đang đánh anh T thì có người ra can ngăn nên cả ba vứt lại hung khí rồi lên xe bỏ đi. Anh T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai.

Đến 13 giờ 30 phút, 14 giờ, 15 giờ ngày 30/11/2020 Lê Văn Vũ L1, Nguyễn Út H, Trần Công D đến cơ quan Công an xã T đầu thú. Quá trình điều tra, Nguyễn Út H, Lê Văn Vũ L1, Trần Công D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Tang vật thu giữ:

- 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm (là hung khí L1 sử dụng đánh T);

- 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt (là hung khí D sử dụng đánh T);

- 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,0m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45m, đường kính 03cm bị tua 02 đầu (là hung khí H sử dụng đánh anh T).

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1119/TgT/2020 ngày 08/12/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương đầu vùng đỉnh giữa lệch trái kích thước 05 x 0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ 01%.

+ Phần vết thương mặt đã khâu kích thước 05 x 0,2 cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ 03%.

- Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Minh T,1986 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 04 %.

- Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật tày.

Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trưng cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định để đánh giá vết sây sát vùng đầu, vết thương mặt (phần vết thương không khâu), chụp CT- Scanner cột sống thắt lưng, mũi để xác định tổn thương và di chứng của các tổn thương.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1218/TgT/2021 ngày 19/02/2021 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Phần đã giám định:

Sẹo đỉnh giữa lệch trái đã được giám định tỷ lệ: 01%.

Sẹo sống mũi- rãnh mũi má phải (phần vết thương mặt đã khâu) đã được giám định tỷ lệ 03 %.

+ Phần giám định bổ sung:

Tổn thương gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng ngửi và thở (Áp dụng Chương 12, mục II.3.1). Tỷ lệ 08%.

Tổn thương gãy mỏm trán xương hàm trên bên phải (xương hàm trên) (Áp

dụng Chương 11, mục I.2). Tỷ lệ 08%.

Tổn thương gãy mỏm ngang bên phải (mỏm bên) đốt sống L1-L2 (Áp dụng Chương 7, mục XII.5.2). Tỷ lệ 13%.

Sẹo vùng chẩm kích thước 04 x 0,5cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ 02%.

Sẹo đầu trong cung mày phải kích thước 01cm x 0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ 03%.

- Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung của nạn nhân Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 33 %.

* Xử lý tang vật: Tịch thu tiêu hủy: 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,0m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45mt, đường kính 03cm, bị tua 02 đầu;

* Bị can Lê Văn Vũ L1 đã đi khỏi nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra và truy nã đối với bị can L1.

* Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Nguyễn Minh T yêu cầu các bị cáo Trần Công D, Nguyễn Út H và Lê Vũ Văn L1 số tiền 36.000.000 đồng. Gia đình Nguyễn Út H và bị cáo H đã bồi thường cho anh Nguyễn Minh T 16.000.000 đồng. Bị cáo Trần Công D đã chủ động bồi thường cho anh T số tiền 2.500.000 đồng khi anh T đang điều trị thương tích. Tại phiên tòa, anh T chỉ yêu cầu bị cáo D bồi thường thêm số tiền 6.170.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Bị cáo H đã bồi thường xong nên anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Tại Bản cáo trạng số 83/CT-VKSVC ngày 19/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Nguyễn Út H, Trần Công D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 (Dùng hung khí nguy hiểm, có tính chất côn đồ) Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu rút phần truy tố các bị cáo Nguyễn Út H, Trần Công D phạm tình tiết định khung *"có tính chất côn đồ"*theo điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo H, D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 (Dùng hung khí nguy hiểm) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Út H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, xử phạt bị cáo Trần Công D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo Trần Công D bồi thường thêm cho bị hại số tiền 6.170.000 đồng; Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Trần Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H: Về Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phần tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát nhân dân huyện V rút phần truy tố các bị cáo phạm vào tình tiết định khung *"có tính chất côn đồ"* nên ông Đ cũng thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo H phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, chủ động bồi thường cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị cáo có công với cách mạng để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa sai.

* Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là trái pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Công D, Nguyễn Út H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà bà Phạn Thị D1 sinh năm 1971 thuộc ấp V, xã T, huyện V, giữa bị cáo H và Bùi Văn S (Con trai của bà D1) xảy ra mâu thuẫn nhưng được mọi người can ngăn nên các bị cáo H, D và L1 ra xe đi về. Khi ra đến chỗ để xe, Bùi Văn S cùng với một số nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đi từ trong nhà bà D1 ra tiếp tục lời qua tiếng lại và xô xát với nhóm của L1 nhưng được mọi người can ngăn nên nhóm L1 ra về. Bị cáo H điều khiển 01 xe mô tô chở bị cáo D đi trước, L1 điều khiển 01 xe mô tô đi sau. Đi được khoảng 200m, do bực tức vì bị S tát vào mặt, bị cáo H rủ bị cáo D quay lại đánh nhóm của S, bị cáo D đồng ý. Cả hai dừng xe, bị cáo D nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04 cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt; bị cáo H nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 01m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45m, đường kính 03cm ở đống củi lề đường đi bộ quay lại nhà bà Duyên. Lúc này, Linh điều khiển xe đi đến thấy các bị cáo D, H cầm cây quay lại nên dừng xe nhặt 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm đi theo các bị cáo D, H. Đến nhà bà D1, bị cáo H chạy vào đập cửa thì anh Nguyễn Minh T chạy từ nhà anh T (đối diện nhà bà D1) ra mở cửa trên tay cầm theo 01 con dao tự chế bằng sắt chạy đuổi

theo các bị cáo D, H và chém bị cáo D (nhưng không trúng). Bị cáo D chạy bị vấp ngã nên vừa bò vừa kêu bị chém đồng thời quay người lại dùng cây đánh trúng vai anh T. Nghe thấy bị cáo D kêu bị chém, bị cáo H chạy lại thì bị anh T cầm dao chém không trúng nên bị cáo H dùng tay trái cầm cây tràm đánh vào vùng mặt, tay phải cầm cây tre đánh vào vùng đầu anh T khiến anh T bị choáng ngã xuống đường. Bị cáo D và L1 cũng cầm cây chạy lại cùng bị cáo H đánh liên tiếp nhiều cái vào vai và lưng anh T. Các bị cáo D, H và L1 đang đánh anh T thì có người ra can ngăn nên cả ba vứt lại hung khí rồi lên xe bỏ đi. Anh T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai. Anh T bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 33% (Ba mươi ba phần trăm) do vật tày.

[3] Hành vi của của các bị cáo Trần Công D, Nguyễn Út H đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 (Dùng hung khí nguy hiểm) Điều 134 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố và viện dẫn.

Xét về lỗi trong vụ án thì bị hại cũng có một phần lỗi dùng dao đuổi chém các bị cáo trước nên các bị cáo quay lại dùng cây đánh bị hại.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo, căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Đối với bị cáo H là người phải chịu mức hình phạt tù cao hơn so với bị cáo D. Bởi lẽ, bị cáo H là người trực tiếp rủ rê bị cáo D đi đánh nhau và trực tiếp gây thương tích chiếm tỷ lệ tổn thương cơ thể nhiều nhất cho bị hại. Bị cáo D cũng tham gia đánh bị hại và với vai trò giúp sức, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do bị cáo D gây ra thấp nên bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú, bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo H có bố là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo H và các bị cáo chủ động bồi thường cho bị hại và tại phiên tòa hôm nay bị cáo D tiếp tục đồng ý bồi thường thêm cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo D bồi thường thêm số tiền 6.170.000 đồng. Bị cáo D đồng ý bồi thường cho bị hại thêm số tiền 6.170.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị hại không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,0m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45m, đường kính 03cm, bị tua 02 đầu;

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Các Điều 17; 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106; 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Út H, Trần Công D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Út H 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2021 nhưng được tính trừ thời gian tam giữ từ ngày 30/11/2020 đến ngày 09/12/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Công D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2021 nhưng được tính trừ thời gian tam giữ từ ngày 30/11/2020 đến ngày 09/12/2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền 6.170.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Bị hại T không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,2m đường kính 3,8cm; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,85m đường kính 04 cm, trên thân cây có gắn 03 đinh sắt; 01 khúc gỗ tràm khô dài 1,0m đường kính 04cm và 01 cây tre khô dài 1,45m, đường kính 03cm, bị tua 02 đầu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Út H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Trần Công D phải chịu (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 308.500 đồng (Ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Cơ quan THA hình sự huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THA dân sự huyện V;
- Các bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Lâm**